

SOME SOLUTIONS TO STRENGTHEN STATE MANAGEMENT OF PROFESSIONAL DEVELOPMENT FOR LOWER SECONDARY SCHOOL TEACHERS IN THUY NGUYEN CITY, HAI PHONG

Nguyen Minh Ke¹, Tran Thi Hong^{2*}

¹Department of Education and Training of Thuy Nguyen city, Hai Phong, ²TNU - University of Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 13/4/2025	This study aims to explore and propose solutions to enhance state management of professional development for lower secondary school teachers in Thuy Nguyen city, Hai Phong. The primary objective is to identify effective management measures, thereby contributing to improving the quality of the teaching workforce. The research methodology employed includes document analysis combined with field investigations through surveys and interviews with educational administrators and teachers working at lower secondary schools within the study area. The collected data is processed and analyzed to serve as a basis for proposing appropriate management solutions. The research findings indicate that state management of professional development for lower secondary school teachers in Thuy Nguyen, Hai Phong has achieved certain positive outcomes in recent years. However, several limitations remain, including: overlapping policies and a lack of coordination among different levels of educational administration; limited funding for professional development activities, which fails to meet the actual needs of teacher capacity building; inflexible training formats that do not align well with teachers' practical conditions; and the absence of a system for evaluating the long-term impact of professional development on teaching quality. Based on these findings, the study proposes several measures aimed at strengthening the effectiveness and efficiency of state management of teacher professional development at the local level in the near future.
Revised: 10/7/2025	
Published: 11/7/2025	

KEYWORDS

State management
Teacher training
Management solutions
Secondary school teachers
Thuy Nguyen city

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, HẢI PHÒNG

Nguyễn Minh Kế¹, Trần Thị Hồng^{2*}

¹Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

²Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 13/4/2025	Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng. Mục tiêu chính của nghiên cứu là xác định các giải pháp quản lý hiệu quả, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm phân tích tài liệu kết hợp với điều tra thực tiễn thông qua khảo sát và phỏng vấn các cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đang công tác tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn nghiên cứu. Dữ liệu thu thập được xử lý và phân tích nhằm làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở tại Thủy Nguyên, Hải Phòng thời gian qua đã đạt được một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, cụ thể như: hệ thống chính sách còn chồng chéo, thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý giáo dục; nguồn kinh phí dành cho công tác bồi dưỡng còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu nâng cao chuyên môn của giáo viên; hình thức tổ chức bồi dưỡng chưa linh hoạt, chưa phù hợp với điều kiện thực tế của đội ngũ giáo viên; và chưa xây dựng được hệ thống đánh giá hiệu quả dài hạn của hoạt động bồi dưỡng đối với chất lượng giảng dạy. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở tại địa phương trong thời gian tới.
Ngày hoàn thiện: 10/7/2025	
Ngày đăng: 11/7/2025	

TỪ KHÓA

Quản lý nhà nước
Bồi dưỡng giáo viên
Giải pháp quản lý
Giáo viên cấp trung học cơ sở
Thành phố Thủy Nguyên

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12559>

* Corresponding author. Email: hong@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Giáo viên (GV) là lực lượng nòng cốt trong hệ thống giáo dục, giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh (HS). Đặc biệt, GV cấp trung học cơ sở (THCS) không chỉ đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy mà còn đóng vai trò trong việc rèn luyện kỹ năng sống, tư duy phản biện và khả năng tự học, tự nghiên cứu cho HS. Trong bối cảnh giáo dục ngày càng đổi mới và yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy tại các trường THCS, công tác bồi dưỡng giáo viên (BDGV) trở nên đặc biệt quan trọng. Trong đó, quản lý nhà nước (QLNN) đối với công tác BDGV là yếu tố then chốt nhằm đảm bảo sự phát triển nghề nghiệp của đội ngũ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp học này. Về chủ đề này đã có nhiều công trình nghiên cứu quan tâm. Đáng chú ý, nhóm tác giả Phạm Đỗ Nhật Tiến và cộng sự [1] đã xây dựng mô hình các thành phần trong QLNN đối với GV, bao gồm: (1) Quản lý nhân sự – tập trung vào các nhiệm vụ đào tạo, tuyển dụng, sử dụng và đãi ngộ GV như một lực lượng lao động trong các trường công lập; (2) Quản lý nguồn nhân lực – hướng tới việc phát triển hiệu quả đội ngũ GV với tư cách là các nhà chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy; (3) Quản lý chiến lược – xem việc phát triển đội ngũ GV như một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển giáo dục quốc gia. Tác giả Tô Văn Châu [2] tiếp cận công tác BDGV THCS theo hướng phát triển năng lực, nhấn mạnh việc hình thành đội ngũ GV có đạo đức nghề nghiệp, kiến thức vững vàng và kỹ năng đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện đại. Nhóm tác giả Trần Công Phong và cộng sự [3] đã làm rõ tác động của đổi mới giáo dục đến tính chuyên nghiệp của GV THCS, đồng thời chỉ ra các yêu cầu cấp thiết trong tuyển dụng, cùng với những khó khăn GV gặp phải trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng (BD). Tác giả Võ Hoàng Minh [4] đề xuất các giải pháp cải thiện hoạt động quản lý và tổ chức BDGV tại khu vực ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh. Đặng Thị Mỹ Linh [5] nhấn mạnh việc cải tiến nội dung chương trình, tăng cường hoạt động thực hành và ứng dụng công nghệ thông tin trong BDGV tại tỉnh Quảng Ngãi. Còn tác giả Lê Thị Kim Oanh [6] đề xuất đổi mới công tác BDGV trong bối cảnh triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới. Trong khi đó, tác giả Nguyễn Thị Thu Hương [7] lại cho rằng cần nâng cao nhận thức của GV về tầm quan trọng của phát triển nghề nghiệp. Tác giả Phạm Ngọc Anh [8] đánh giá thực trạng công tác tổ chức và quản lý BDGV tại tỉnh Đồng Nai. Còn tác giả Trần Văn Tính [9] tập trung vào các yếu tố thuận lợi giúp GV phát triển nghề nghiệp thông qua các chương trình BD. Tác giả Nguyễn Đức Huy [10] trên cơ sở phân tích vai trò của quản lý nhà nước trong công tác BDGV, chỉ ra những hạn chế và đề xuất giải pháp như hoàn thiện thể chế, đổi mới nội dung chương trình, tăng cường kiểm tra đánh giá. Còn tác giả Trần Thị Thu Hà [11] trên cơ sở phân tích thực trạng và yêu cầu quản lý công tác BDGV trong bối cảnh thực hiện chương trình giáo dục mới, đã đề xuất các giải pháp về phối hợp quản lý giữa các cấp, phân quyền, và cơ chế hỗ trợ GV. Các công trình nghiên cứu trên đã có nhiều đóng góp quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn, cung cấp cơ sở để nâng cao hiệu quả quản lý công tác BDGV nói chung và GV THCS nói riêng. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về các giải pháp tăng cường QLNN đối với công tác BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng. Thực tế cho thấy, công tác BDGV THCS tại nhiều địa phương, trong đó có thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo và các trường học còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến chương trình bồi dưỡng chưa bám sát nhu cầu thực tiễn, thiếu tính ứng dụng, và chưa đáp ứng được các yêu cầu mới trong quá trình đổi mới giáo dục. Do đó, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường QLNN với công tác BDGV THCS tại thành phố Thủy Nguyên là hết sức cần thiết và cấp thiết. Bài báo này sẽ phân tích thực trạng công tác QLNN trong hoạt động BDGV tại địa phương, đồng thời đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GV, góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới giáo dục và đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội trong giai đoạn hiện nay.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cách tiếp cận

Bài báo sử dụng một số cách tiếp cận sau: (1) Tiếp cận hệ thống nhằm nhận diện toàn diện thực trạng QLNN đối với công tác BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng trong thời

gian qua. Đây được xem là tiền đề quan trọng để đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả QLNN đối với công tác này trong thời gian tới; (2) Tiếp cận nội quan và ngoại quan dựa trên sự kết hợp giữa các nhận xét, đánh giá chủ quan và khách quan nhằm đưa ra nhận định xác thực về thực trạng QLNN đối với công tác BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau: (1) Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Bao gồm tài liệu thứ cấp là các bài báo khoa học, công trình đã được công bố trước đây có liên quan đến chủ đề nghiên cứu, nhằm xác lập nền tảng lý luận và chứng minh tính mới của vấn đề. Tài liệu sơ cấp là các thông tin thu thập được thông qua điều tra và phỏng vấn, góp phần làm rõ các khía cạnh thực tiễn của vấn đề nghiên cứu. (2) Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Đối tượng khảo sát gồm cán bộ quản lý (CBQL) Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); CBQL tại các trường THCS; GV đang giảng dạy tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu. Tổng số phiếu khảo sát là 310, được phân bổ đồng đều cho 31 trường THCS, Phòng GD&ĐT và lãnh đạo các đơn vị liên quan. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert với 5 mức độ: Rất không đồng ý, Không đồng ý, Bình thường, Đồng ý và Rất đồng ý. Mức độ đánh giá được quy định từ 1 đến 5, tương ứng với các mức ý nghĩa như sau: Mức 5 (4,20 – 5,00): Rất tốt; Mức 4 (3,40 – 4,19): Tốt; Mức 3 (2,60 – 3,39): Khá; Mức 2 (1,80 – 2,59): Trung bình; Mức 1 (1,00 – 1,79): Kém. Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm Excel và SPSS theo các chỉ số đã xác định trước; (3) Phương pháp phỏng vấn sâu: Được thực hiện nhằm hiểu rõ hơn các vấn đề thực tiễn trong quản lý công tác BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên. Đối tượng phỏng vấn bao gồm CBQL Phòng GD&ĐT, CBQL các trường THCS và GV đã từng tham gia các khóa BD; (4) Phương pháp phân tích và tổng hợp: Trên cơ sở kết quả xử lý số liệu và phân tích tài liệu, nhóm nghiên cứu tiến hành tổng hợp theo từng nội dung cụ thể nhằm làm rõ thực trạng QLNN đối với công tác BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng; từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN trong lĩnh vực này trong thời gian tới.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận

3.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với công tác bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở

Theo OECD [11] cho rằng, QLNN đối với công tác BDGV là quá trình ban hành chính sách, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình đào tạo, BD nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm của đội ngũ GV. Guskey [13] lại cho rằng, QLNN trong lĩnh vực này bao gồm việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đào tạo, thiết lập cơ chế tài chính, quản lý đội ngũ giảng viên và kiểm soát chất lượng chương trình BD. Đây là một quá trình mang tính hệ thống, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và các cơ sở giáo dục. Nguyễn Thị Thu Hương [14] lại chỉ ra rằng, QLNN đối với công tác BDGV bao gồm các hoạt động: xây dựng chính sách và khung pháp lý; tổ chức và triển khai các chương trình BD; giám sát và đánh giá; đảm bảo nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất; phát triển nghề nghiệp liên tục. Như vậy, có thể thấy có nhiều quan niệm khác nhau về QLNN đối với công tác BDGV nói chung và GV THCS nói riêng. Trong khuôn khổ bài viết này, khái niệm “QLNN đối với công tác BDGV cấp THCS” được hiểu là: quá trình ban hành chính sách, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình đào tạo, BD nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm cho đội ngũ GV THCS.

3.1.2. Nội dung quản lý nhà nước đối với công tác bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở

Theo Phạm Đỗ Nhật Tiến và cộng sự [1], QLNN đối với công tác BDGV THCS không chỉ bao gồm các chính sách pháp lý và hành chính, mà còn liên quan đến việc phát triển chiến lược giáo dục dài hạn, tạo ra môi trường hỗ trợ để GV có thể liên tục nâng cao trình độ chuyên môn và

nghiệp vụ. Tô Văn Châu [2] cho rằng, QLNN đối với công tác BDGV không chỉ dừng lại ở hoạt động giám sát, mà còn phải chủ động thiết lập các kênh phản hồi và cải tiến liên tục, nhằm giúp các chương trình BD phản ánh đúng những thay đổi trong yêu cầu nghề nghiệp cũng như nhu cầu của xã hội. Võ Hoàng Minh [4] nhấn mạnh rằng, QLNN trong công tác BDGV cần bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý giáo dục và các tổ chức đào tạo. Từ các quan niệm nêu trên, có thể rút ra rằng nội dung của QLNN đối với công tác BDGV cấp THCS bao gồm: (1) Xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật về BD; (2) Xây dựng chương trình và kế hoạch BD; (3) Tổ chức thực hiện hoạt động BD; (4) Đảm bảo nguồn lực cho hoạt động BD; (5) Giám sát và đánh giá hoạt động BDGV.

3.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với công tác bồi dưỡng cho giáo viên cấp trung cấp cơ sở tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

3.2.1. Thực trạng ban hành chính sách, pháp luật về bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở

Để thấy được thực trạng việc xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật về BDGV THCS tại thành phố Thủy Nguyên, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan và kết quả khảo sát được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo sát thực trạng ban hành các văn bản hướng dẫn, chính sách đối với BDGV THCS

Nội dung	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị cao nhất	Giá trị trung bình
Q1. Các văn bản quản lý về BDGV được ban hành kịp thời, nhanh chóng	1	4	2,95
Q2. Các văn bản quản lý về BDGV phản ánh đầy đủ và nhất quán với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia	1	4	2,44
Q3. Các văn bản quản lý về BDGV được ban hành phù hợp với đặc thù giáo dục địa phương	1	4	2,99
Q4. Các văn bản quản lý về BDGV thường xuyên được rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo yêu cầu đổi mới giáo dục	1	4	2,83
Q5. Các văn bản quản lý về BDGV được thực thi hiệu quả tại các cơ sở giáo dục	2	4	3,11

Kết quả khảo sát cho thấy: Nội dung xây dựng và thực thi các văn bản QLNN về BDGV THCS cơ bản được đánh giá ở mức "Trung bình" và "Khá". Các giá trị trung bình dao động từ 2,44 đến 3,11, phản ánh rằng các văn bản quản lý về BDGV THCS có mức độ hoàn thiện chưa cao, chưa thực sự đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn. Trong đó, tiêu chí "Các văn bản quản lý về BDGV được thực thi hiệu quả tại các cơ sở giáo dục" được đánh giá cao nhất, với giá trị trung bình đạt 3,11, và điểm thấp nhất là 2 trên thang đo Likert 5 mức. Điều này cho thấy việc triển khai thực thi văn bản tại các trường THCS nhìn chung khá hiệu quả. Tuy nhiên, một số nội dung khác vẫn nhận được đánh giá ở mức thấp. Cụ thể, câu hỏi số 4 (Q4) có 12 ý kiến đánh giá ở mức 1, Q1 có 5 ý kiến, còn Q2 và Q3 mỗi câu có 2 ý kiến đánh giá ở mức này. Đây là mức đánh giá tương đối thấp, cho thấy vẫn tồn tại những bất cập, đặc biệt là về tính nhất quán của chính sách; bên cạnh đó, việc thường xuyên rà soát, điều chỉnh và cập nhật các văn bản quản lý theo yêu cầu đổi mới giáo dục tại địa phương còn hạn chế, chưa thực hiện tốt. Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho kết quả tương đồng. CBQL giáo dục cho biết "Công tác rà soát, điều chỉnh và cập nhật văn bản quản lý về BDGV cấp THCS ở thành phố Thủy Nguyên đã có sự chuyển biến, tuy nhiên vẫn chưa thực sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới giáo dục. Một số văn bản địa phương đã bám sát định hướng của Bộ GD&ĐT và bắt đầu chú trọng đến phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV theo chuẩn mới. Tuy nhiên, việc cập nhật còn chậm, chưa theo kịp với tốc độ đổi mới trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành". CBQL của một số trường THCS trên địa bàn nghiên cứu cho hay "Một số nội dung trong văn bản còn mang tính chung chung, khi đưa vào thực tế chưa sát với thực tiễn vẫn cần phải linh hoạt điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện của từng trường".

3.2.2. Thực trạng về xây dựng chương trình và kế hoạch bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở

Việc xây dựng chương trình và kế hoạch BD cần được thực hiện trên cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn giảng dạy và yêu cầu phát triển giáo dục tại địa phương. Nội dung này đã được Phòng GD&ĐT thành phố Thủy Nguyên đặc biệt quan tâm trong thời gian qua. Kết quả khảo sát thực trạng công tác này được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả khảo sát thực trạng về xây dựng chương trình và kế hoạch bồi dưỡng GV THCS

Nội dung	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
Q6. Việc khảo sát, xác định nhu cầu BDGV THCS được thực hiện đầy đủ và chính xác	1	4	2,97
Q7. Kế hoạch, chương trình BDGV THCS được xây dựng có mục tiêu, lộ trình rõ ràng	2	4	3,57
Q8. Chương trình BD đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng giảng dạy của GV	2	4	3,32
Q9. Chương trình BDGV THCS có tính khoa học và chặt chẽ	2	4	3,01
Q10. Chương trình BDGV THCS có sự đánh giá và tiếp nhận phản hồi từ GV và cơ sở đào tạo	1	4	2,99
Q11. Chương trình BD được điều chỉnh kịp thời dựa trên phản hồi thực tế từ GV và cơ sở đào tạo	3	3	3,00

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho thấy: Nội dung xây dựng chương trình và kế hoạch BDGV THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng được đánh giá ở mức “Khá” và “Tốt”. Các giá trị trung bình của các câu hỏi dao động từ 2,97 đến 3,57. Trong đó, tiêu chí “Kế hoạch, chương trình BDGV THCS được xây dựng có mục tiêu, lộ trình rõ ràng” (Q7) đạt giá trị trung bình cao nhất là 3,57, với điểm đánh giá thấp nhất là 2 (trên thang đo Likert 5 mức). Đáng chú ý, có tới 58% số người được khảo sát đánh giá tiêu chí này ở mức “Tốt”. Điều này cho thấy Phòng GD&ĐT thành phố Thủy Nguyên đã thực hiện hiệu quả việc xây dựng mục tiêu và lộ trình cho các chương trình BD, đồng thời triển khai tốt đến các trường THCS trên địa bàn. Bên cạnh đó, chương trình BD cũng được đánh giá là phù hợp với nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng giảng dạy của GV THCS, có tính khoa học và được thiết kế chặt chẽ. Tuy nhiên, hai tiêu chí còn lại là Q6 và Q10 vẫn ghi nhận một số ý kiến đánh giá ở mức thấp nhất (mức 1), lần lượt với 3 và 4 ý kiến phản hồi. Điểm trung bình của hai tiêu chí này cũng ở mức tương đối thấp, dao động từ 2,97 đến 2,99. Điều này cho thấy vẫn còn tồn tại hạn chế trong việc khảo sát và xác định đúng nhu cầu BD của GV, cũng như trong quá trình tiếp nhận phản hồi từ GV sau khi tham gia tập huấn và từ các cơ sở đào tạo. GV một trường THCS trên địa bàn cho hay “Việc khảo sát nhu cầu BD của GV hiện nay vẫn còn mang tính hình thức ở một số nơi, chưa thật sự sát với nhu cầu thực tiễn. Thông thường, các biểu mẫu khảo sát được gửi xuống trường theo dạng thống nhất, nội dung còn chung chung, chưa phân loại rõ theo chuyên môn, kinh nghiệm hay cấp học của GV. Nhiều khi GV chỉ điền theo yêu cầu mà không được trao đổi cụ thể hoặc tư vấn kỹ càng, nên việc xác định nhu cầu thiếu chính xác”.

3.2.3. Thực trạng về tổ chức thực hiện hoạt động bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở

Công tác tổ chức thực hiện hoạt động BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng do Phòng GD&ĐT triển khai đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, phương pháp giảng dạy phù hợp đã góp phần giúp GV tiếp thu kiến thức và kỹ năng một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các chương trình BD ngày càng cao, góp phần tăng tính tiện lợi, hỗ trợ quá trình học tập và nâng cao hiệu quả giảng dạy. Nhằm đánh giá thực trạng của công tác này, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan và kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng về tổ chức thực hiện hoạt động BDGV THCS

Nội dung	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
Q12. Các lớp BD có nội dung rõ ràng, phương pháp phù hợp và hình thức chặt chẽ, đảm bảo tính logic và hiệu quả	2	4	3,01
Q13. Các lớp BD được tổ chức vào thời gian phù hợp với GV THCS, không ảnh hưởng đến thời gian giảng dạy	2	4	2,96
Q14. Đội ngũ giảng viên tham gia bồi dưỡng có trình độ chuyên môn cao, phương pháp giảng dạy phù hợp	2	5	3,90
Q15. Các lớp BDGV THCS có mức độ áp dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và thực hiện cao	3	5	3,92
Q16. Các lớp BDGV THCS được tổ chức linh hoạt để đáp ứng nhu cầu GV (trực tiếp, trực tuyến, tài liệu tự học...)	2	5	3,92

Kết quả khảo sát tại Bảng 3 cho thấy: Nội dung tổ chức thực hiện hoạt động BDGV THCS được đánh giá ở mức “Khá” và “Tốt”. Các giá trị trung bình của các câu hỏi dao động từ 2,96 đến 3,92. Tất cả năm tiêu chí khảo sát đều có mức điểm thấp nhất từ 2 đến 3, trong khi có ba tiêu chí ghi nhận được đánh giá ở mức cao nhất là 5. Trong đó, hai tiêu chí “Các lớp BDGV THCS có mức độ áp dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và thực hiện cao” (Q15) và “Các lớp BDGV THCS được tổ chức linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của GV (trực tiếp, trực tuyến, tài liệu tự học...)” (Q16) có giá trị trung bình cao nhất, đều đạt 3,92. Mức đánh giá thấp nhất của hai tiêu chí này lần lượt là 3 và 2 (trên thang đo 5 mức của Likert). Đáng chú ý, tại tiêu chí Q16, có 268/300 phiếu đánh giá ở mức “Tốt”, chiếm 88,3%, và khoảng 2% đánh giá ở mức “Rất tốt”. Điều này cho thấy Phòng GD&ĐT Thủy Nguyên đã thực hiện hiệu quả trong việc tổ chức các lớp BD với hình thức linh hoạt và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin cao. Tuy nhiên, vẫn tồn tại hạn chế liên quan đến thời gian tổ chức các lớp BD, vẫn chưa thực sự phù hợp với thời khóa biểu của GV, gây ảnh hưởng đến công tác giảng dạy. Cụ thể, tiêu chí “Thời gian tổ chức lớp BD phù hợp với GV” (Q13) có điểm trung bình thấp nhất, đạt 2,96. Dữ liệu với giá trị thấp nhất là 2 và cao nhất là 4 cho thấy một số GV đánh giá thấp tiêu chí này do thời gian tổ chức lớp học còn thiếu linh hoạt, có thể ảnh hưởng đến việc giảng dạy chính khóa. Ý kiến của một số GV THCS trên địa bàn nghiên cứu cho hay “*Thời điểm và thời lượng tổ chức các lớp BD hiện nay vẫn còn nhiều bất cập đối với chúng tôi. Thông thường, các lớp BD được tổ chức vào cuối tuần, hoặc vào các buổi tối, hoặc trong dịp hè. Điều này khiến chúng tôi phải điều chỉnh lại lịch giảng dạy, đôi khi phải nghỉ dạy hoặc xáo trộn công việc chuyên môn, gây ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và sinh hoạt cá nhân*”.

3.2.4. Thực trạng về đảm bảo tài chính và cơ sở vật chất cho hoạt động bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở

Đảm bảo các nguồn lực gồm tài chính và cơ sở vật chất cho hoạt động BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng được coi là yếu tố then chốt góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Bởi nguồn lực tài chính đóng vai trò quyết định đến quy mô, chất lượng và tính bền vững của các hoạt động BDGV. Cơ sở vật chất là yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến môi trường và hiệu quả của quá trình BD. Một hệ thống cơ sở vật chất tốt không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các lớp học BD mà còn góp phần nâng cao chất lượng tương tác, trải nghiệm và tiếp thu kiến thức của GV. Trong thời gian qua, thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng quan tâm và thực hiện tốt công tác này, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những thách thức cần được quan tâm khắc phục. Nhằm đánh giá thực trạng công tác đảm bảo tài chính và cơ sở vật chất cho BDGV cấp THCS trên địa bàn nghiên cứu, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát các bên liên quan. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 4.

Kết quả khảo sát tại Bảng 4 cho thấy: Nội dung đảm bảo nguồn lực cho hoạt động BDGV THCS tại địa phương có sự khác biệt đáng kể giữa các yếu tố cấu thành. Trong đó, tiêu chí “Cơ sở vật chất và thiết bị được đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy, thực hành và học tập trong các chương trình BDGV” (Q18) được đánh giá ở mức “Tốt”, với điểm trung bình đạt 3,93. Cụ thể, có 280 phiếu

(tương đương 93,3%) đánh giá ở mức hài lòng (Tốt), tuy nhiên vẫn còn 6,7% đánh giá ở mức "Trung bình" hoặc "Không tốt". Kết quả này phản ánh những nỗ lực đáng ghi nhận của thành phố Thủy Nguyên và ngành giáo dục địa phương trong việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động BDGV, như: phòng học chức năng, thư viện và phòng máy tính.

Bảng 4. Kết quả khảo sát thực trạng về đảm bảo nguồn lực cơ sở vật chất và tài chính cho BDGV THCS

Nội dung	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
Q17. Các chương trình BDGV THCS được phân bổ ngân sách đủ, đảm bảo số lượng và chất lượng	3	4	3,14
Q18. Cơ sở vật chất và thiết bị được đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy, thực hành và học tập trong các chương trình BDGV	2	4	3,93
Q19. GV tham gia BD được hỗ trợ tài chính (học phí, chi phí đi lại, tài liệu...)	3	4	3,90

Tuy nhiên, việc cập nhật và bổ sung trang thiết bị hiện đại vẫn còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới giáo dục tại một số cơ sở. Hạn chế về cơ sở vật chất đã ảnh hưởng đến hiệu quả của các chương trình BD, đặc biệt là trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy. Bên cạnh đó, ngân sách dành cho hoạt động BDGV THCS tại thành phố Thủy Nguyên chủ yếu vẫn phụ thuộc vào nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án hỗ trợ giáo dục. Tuy nhiên, mức đầu tư hiện nay chưa thực sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao chuyên môn của GV. Việc hạn chế về nguồn lực tài chính dẫn đến khó khăn trong việc tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, mời chuyên gia có uy tín hoặc tạo điều kiện để GV tham gia các chương trình BD ngoài địa phương. CBQL giáo dục cấp thành phố cho hay “Nguồn lực tài chính hiện nay vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu về tổ chức các khóa BDGV, đặc biệt là các khóa đào tạo chuyên sâu và mời chuyên gia uy tín. Mặc dù có một số chương trình BD được tổ chức, nhưng ngân sách dành cho công tác này còn hạn chế nên khó khăn trong việc triển khai các khóa học chất lượng cao hoặc mời những giảng viên có chuyên môn cao từ ngoài địa phương”.

3.2.5. Thực trạng về giám sát và đánh giá hoạt động bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở

Việc giám sát và đánh giá không chỉ góp phần đảm bảo chất lượng các chương trình BD, mà còn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho việc điều chỉnh và cải thiện nội dung, phương pháp cũng như hiệu quả triển khai công tác BD. Nhằm đánh giá thực trạng của công tác này, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. Kết quả khảo sát thực trạng về giám sát và đánh giá hoạt động BDGV THCS

Nội dung	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình
Q20. Chương trình BDGV THCS được giám sát, đánh giá chất lượng chặt chẽ và hiệu quả sau mỗi đợt BD	2	4	3,00
Q21. Chương trình BDGV THCS hữu ích, GV có thể áp dụng kiến thức và kỹ năng từ chương trình vào giảng dạy thực tế	2	4	3,22
Q22. Chương trình BD giúp GV cải thiện phương pháp giảng dạy	2	5	3,83
Q23. Nội dung BD có được điều chỉnh thường xuyên dựa trên phản hồi từ GV và các trường THCS	1	5	3,08
Q24. Nội dung chương trình BDGV THCS được điều chỉnh phù hợp dựa trên kết quả đánh giá và phản hồi từ các GV THCS sau khi tham gia BD	2	5	3,05

Kết quả khảo sát thực trạng về công tác giám sát và đánh giá hoạt động BDGV THCS cho phép phân tích mức độ hiệu quả của hoạt động này thông qua các chỉ số Min (giá trị nhỏ nhất), Max (giá trị lớn nhất) và Mean (giá trị trung bình). Giá trị trung bình (Mean) của các câu hỏi dao động từ 3,00 đến 3,83, phản ánh mức độ đánh giá từ trung bình đến khá của GV đối với công tác giám sát và đánh giá các chương trình BD. Tuy nhiên, công tác giám sát và đánh giá hoạt động BD GV THCS vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Cụ thể, công tác giám sát và đánh giá chất lượng BD chưa

thực sự chặt chẽ và hiệu quả cao; việc giám sát còn mang tính hình thức, thiếu các tiêu chí đánh giá cụ thể về sự tiến bộ của GV. Nội dung chương trình BD chưa được cập nhật thường xuyên theo phản hồi từ người học; một số GV vẫn chưa nhận thấy chương trình thực sự hữu ích, thể hiện qua các giá trị Min thấp (Min = 1 hoặc 2 ở nhiều tiêu chí). Bên cạnh đó, nhiều chương trình BD chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả dài hạn, chủ yếu chỉ dừng lại ở việc thu thập ý kiến phản hồi ngay sau khóa học. Ý kiến của GV trường THCS trên địa bàn nghiên cứu cho hay “*Các cơ sở tổ chức BD hiện nay mới chỉ dừng ở việc thu thập phản hồi mang tính hình thức, chứ chưa thực sự coi trọng và phân tích sâu phản hồi của GV để cải tiến chương trình. Sau mỗi đợt tập huấn, thường có phiếu đánh giá hoặc bảng khảo sát được phát cho GV, nhưng rất hiếm khi chúng tôi được biết kết quả tổng hợp hoặc thấy có sự điều chỉnh rõ ràng trong các đợt BD sau đó*”. Do đó, cần có sự điều chỉnh trong cơ chế giám sát, cập nhật nội dung chương trình, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

3.2.6. Nhận xét, đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng

Có thể nói, công tác QLNN đối với hoạt động BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả tích cực. Cụ thể: Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên đã ban hành hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác BDGV cấp THCS tương đối đầy đủ và phù hợp với thực tiễn địa phương; Việc xây dựng chương trình và kế hoạch BD đã có định hướng chiến lược rõ ràng cho từng giai đoạn; Công tác tổ chức thực hiện các chương trình BD tại địa phương đạt được nhiều kết quả nổi bật, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, phương pháp giảng dạy phù hợp, giúp GV tiếp thu kiến thức và kỹ năng hiệu quả; Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động BD, như phòng học chức năng, thư viện, phòng máy tính... được quan tâm đầu tư; Công tác giám sát và đánh giá hoạt động BD bước đầu đạt hiệu quả, thể hiện qua việc chương trình có tác động tích cực đến phương pháp giảng dạy của GV và được GV đánh giá là có giá trị ứng dụng nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác QLNN đối với hoạt động BDGV cấp THCS tại Thủy Nguyên vẫn còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể như: Việc thường xuyên rà soát, điều chỉnh và cập nhật các văn bản quản lý theo yêu cầu đổi mới giáo dục tại địa phương còn hạn chế, chưa thực hiện tốt; Kinh phí dành cho hoạt động BD còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV; Phương thức tổ chức BD chưa thực sự linh hoạt, chưa phù hợp với điều kiện thực tế của GV; Chưa xây dựng được hệ thống đánh giá tác động dài hạn của hoạt động BD đối với chất lượng giảng dạy.

3.3. Một số giải pháp góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động bồi dưỡng giáo viên cấp trung học cơ sở tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng

Từ những hạn chế nêu trên, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm tăng cường hiệu quả công tác QLNN đối với hoạt động BDGV cấp THCS tại thành phố Thủy Nguyên trong thời gian tới, cụ thể như sau:

3.3.1. Hoàn thiện hệ thống chính sách và văn bản pháp lý

Để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu lực của hoạt động BD, Phòng GD&ĐT thành phố Thủy Nguyên cần: Thực hiện rà soát, điều chỉnh các chính sách liên quan đến công tác BDGV cấp THCS nhằm loại bỏ những quy định chồng chéo, không còn phù hợp, đồng thời đảm bảo tính thống nhất giữa các cấp quản lý (Ủy ban nhân dân thành phố, Phòng GD&ĐT, các trường...); Xây dựng các văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung, đối tượng, hình thức và lộ trình BDGV theo từng năm học, giai đoạn phát triển; Tăng cường phối hợp liên ngành, đặc biệt giữa cơ quan quản lý giáo dục, tài chính và các đơn vị đào tạo, để triển khai hiệu quả các chương trình BD; Áp dụng chính sách ưu tiên hoặc khuyến khích, như hỗ trợ thời gian, kinh phí, khen thưởng cho GV tích cực tham gia hoặc đạt thành tích tốt sau BD.

3.3.2. Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa nguồn lực phục vụ bồi dưỡng

Một trong những rào cản lớn hiện nay là kinh phí hạn chế. Do đó, Phòng GD&ĐT thành phố Thủy Nguyên cần: Tăng tỷ lệ ngân sách dành riêng cho BDGV từ nguồn ngân sách địa phương, đảm bảo tối thiểu mức chi đáp ứng các yêu cầu đổi mới giáo dục; Đa dạng hóa nguồn đầu tư, kêu gọi sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, quỹ phát triển giáo dục để bổ sung nguồn lực cho các chương trình BD.; Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, đặc biệt là hạ tầng công nghệ (mạng Internet tốc độ cao, máy tính, nền tảng quản lý học tập trực tuyến...) nhằm hỗ trợ chuyển đổi phương thức BD từ truyền thống sang hiện đại; Cung cấp tài liệu học tập đa dạng, cập nhật và số hóa, tạo điều kiện để GV tự học, tự BD linh hoạt theo nhu cầu.

3.3.3. Đổi mới phương thức tổ chức bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, thực tiễn

Hình thức BD hiện nay còn nặng về lý thuyết và thiếu linh hoạt. Do đó, Phòng GD&ĐT thành phố Thủy Nguyên cần: Chuyển từ mô hình “BD đại trà” sang mô hình “BD cá thể hóa”, tức là xây dựng chương trình theo nhu cầu, năng lực của từng nhóm GV; Áp dụng mô hình kết hợp (blended learning) giữa trực tiếp và trực tuyến, giúp GV chủ động về thời gian, đồng thời giảm chi phí tổ chức; Lồng ghép thực tiễn nghề nghiệp vào chương trình BD, thông qua các hoạt động như dự giờ, dạy minh họa, nghiên cứu bài học, trao đổi chuyên môn theo nhóm...; Tổ chức các “cộng đồng học tập chuyên môn” (PLC) trong trường hoặc liên trường, để GV cùng học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm thực tế.

3.3.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và công tác quản lý chương trình

Chất lượng của giảng viên và chương trình là yếu tố then chốt. Vì vậy, Phòng GD&ĐT thành phố Thủy Nguyên cần: Tuyển chọn và BD giảng viên nguồn có năng lực chuyên môn sâu, đặc biệt là giảng viên từ các trường đại học sư phạm, chuyên gia giáo dục có kinh nghiệm thực tiễn; Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo cho giảng viên để cập nhật kiến thức, kỹ năng tổ chức hoạt động BD theo định hướng phát triển năng lực; Định kỳ rà soát, cập nhật chương trình BD, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, bám sát chương trình giáo dục phổ thông mới và yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục; Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức BD, phát hiện và điều chỉnh kịp thời các khâu yếu, tránh hình thức, đối phó.

3.3.5. Xây dựng hệ thống đánh giá tác động dài hạn sau bồi dưỡng

Hệ thống này sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực lâu dài của đội ngũ GV cấp THCS tại Thủy Nguyên, bao gồm các phương pháp thu thập dữ liệu như khảo sát, phỏng vấn sâu và đánh giá từ đồng nghiệp, cùng với việc sử dụng các chỉ số như năng lực chuyên môn, hiệu quả công việc và mức độ hài lòng của HS để đo lường tác động. Để thực hiện đánh giá, Phòng GD&ĐT có thể áp dụng công cụ phần mềm quản lý đánh giá, giúp tự động hóa quá trình thu thập và phân tích dữ liệu, từ đó đưa ra các báo cáo chi tiết và chính xác. Lợi ích của hệ thống này không chỉ giúp cải tiến chất lượng đào tạo mà còn giúp tối ưu hóa việc phân bổ nguồn lực và ngân sách, đồng thời đảm bảo tính bền vững của các chương trình BD. Tuy nhiên, để khắc phục các thách thức như thu thập dữ liệu chính xác hay sự chủ quan trong đánh giá, Phòng GD&ĐT cần kết hợp các phương pháp đánh giá định tính và định lượng, đồng thời sử dụng các chỉ số rõ ràng để đảm bảo kết quả đánh giá khách quan.

4. Kết luận

BDGV THCS là một trong những yếu tố then chốt góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo ở cấp THCS, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Thực tiễn tại thành phố Thủy Nguyên, Hải Phòng cho thấy công tác QLNN đối với hoạt động BDGV cấp THCS đã đạt được một số kết quả tích cực, từ việc ban hành văn bản chỉ đạo, xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện đến đảm bảo nguồn lực và công tác giám sát, đánh giá. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được thì công tác QLNN đối với hoạt động BDGV cấp THCS vẫn còn tồn tại những bất

cập nhật định như sự thiếu đồng bộ trong chính sách, nguồn lực tài chính còn hạn chế, phương thức tổ chức chưa linh hoạt và thiếu hệ thống đánh giá tác động dài hạn. Trên cơ sở phân tích thực trạng và dữ liệu khảo sát, bài báo đã đề xuất 5 nhóm giải pháp trọng tâm nhằm tăng cường hiệu quả QLNN đối với hoạt động BDGV cấp THCS tại địa phương: (1) Hoàn thiện hệ thống chính sách và văn bản pháp lý; (2) Tăng cường đầu tư và đa dạng hóa nguồn lực; (3) Đổi mới phương thức tổ chức BD theo hướng linh hoạt, thực tiễn; (4) Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và quản lý chương trình; (5) Xây dựng hệ thống đánh giá tác động dài hạn. Những giải pháp này không chỉ mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thủy Nguyên mà còn có thể tham khảo áp dụng tại các địa phương có đặc điểm tương đồng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên THCS nói riêng và chất lượng giáo dục phổ thông nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. N. T. Pham, C. P. Tran, and T. A. H. Trinh, *State management of teachers: Approach from a strategic model*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House, 2019.
- [2] V. C. To, "Management of professional development activities for lower secondary school teachers through a competency-based approach," *Journal of Educational Science*, no. 65, pp. 32–39, 2023.
- [3] C. P. Tran, T. A. H. Trinh, and X. C. Truong, "Educational reform and the need to enhance the professionalism of lower secondary school teachers," *Journal of Education and Society*, no. 97, pp. 45–51, 2020.
- [4] H. M. Vo, "Some solutions to improve the effectiveness of teacher professional development in suburban districts of Ho Chi Minh City," *Journal of Educational Management Science*, no. 18, pp. 60–66, 2020.
- [5] T. M. L. Dang, "Innovating content and methods of teacher professional development in Quang Ngai province," *Journal of Education*, no. 505, pp. 18–22, 2021.
- [6] T. K. O. Le, "Reforming teacher professional development in the context of implementing the new general education curriculum," *Journal of Education and Development*, no. 12, pp. 28–34, 2023.
- [7] T. T. H. Nguyen, "Teachers' participation in professional development programs and their awareness of career development," *Journal of Educational Research*, no. 590, pp. 41–47, 2022.
- [8] N. A. Pham, "Evaluation of the organization and management of teacher professional development activities in Dong Nai province," *Journal of Educational Science*, no. 42, pp. 52–58, 2018.
- [9] V. T. Tran, "Factors affecting teachers' professional development through training programs," *Journal of Educational Management*, no. 11, pp. 23–29, 2019.
- [10] D. H. Nguyen, "State management of teacher training to meet the requirements of general education innovation," *Journal of Educational Management*, no. 79, pp. 23–26, 2021.
- [11] T. T. T. Ha, "Some issues raised in the training of general education teachers according to the 2018 General Education Program," *Journal of Educational Management Science*, vol. 12, no. 49, pp. 18–22, 2022.
- [12] OECD, *Teachers and school leaders as lifelong learners*. OECD Publishing, 2019, doi: 10.1787/56589150-en.
- [13] T. R. Guskey, "Professional development and teacher change," *Teachers and Teaching: Theory and Practice*, vol. 8, no. 3, pp. 381–391, 2002, doi: 10.1080/135406002100000512.
- [14] T. T. H. Nguyen, "State management of professional development for lower secondary school teachers – A practical approach," *Journal of Educational Science*, no. 588, pp. 15–20, 2022.